

## BÀI 33

### TỔNG KẾT PHẦN VĂN (tiếp theo)

#### *Bài tập*

1. Dựa vào các văn bản nghị luận đã được học ở các bài 22, 23, 24, 25 và 26, hãy so sánh những nét cơ bản về tác phẩm nghị luận trung đại và tác phẩm nghị luận hiện đại.
2. Theo em, ba văn bản *Chiếu dời đô*, *Hịch tướng sĩ*, *Nước Đại Việt ta* có những điểm gì giống nhau ?
3. So với bài *Sông núi nước Nam* (đã học ở lớp 7), ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong văn bản *Nước Đại Việt ta* có nét gì mới ?
4. Hãy chứng minh nhận xét : Trong văn bản *Thuế máu*, cảm hứng trào phúng không tách rời cảm hứng trữ tình.

#### *Gợi ý làm bài*

1. Ở chương trình Ngữ văn lớp 8 có năm văn bản nghị luận (bài 22, 23, 24, 25, 26), trong đó, văn bản trong bài 26 là tác phẩm nghị luận hiện đại, bốn văn

bản còn lại là nghị luận trung đại. Tất cả năm văn bản này đều có đặc trưng của thể loại nghị luận, nhưng giữa tác phẩm nghị luận trung đại với tác phẩm nghị luận hiện đại có những khác biệt nổi bật.

– Nghị luận hiện đại không phân chia thành các thể văn một cách thật rạch ròi. Nghị luận trung đại gồm nhiều thể phân biệt chủ yếu ở chức năng (*chiếu, hịch, cáo,...*). Mỗi thể của văn bản nghị luận trung đại có những quy tắc chặt chẽ riêng (xem lại phần *Chú thích* ở các bài 22, 23, 24).

– Các văn bản nghị luận trung đại ở các bài 22, 23, 24, 25 đều là văn bản dịch từ nguyên tác viết bằng chữ Hán, mang văn phong cổ :

+ Từ ngữ cổ.

+ Cách diễn đạt cổ : dùng nhiều điển tích, điển cố, hình ảnh thường giàu tính ước lệ, câu văn biến ngẫu sóng đôi nhịp nhàng (rõ nhất ở các văn bản *Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta*). Cách diễn đạt trong tác phẩm nghị luận hiện đại thường giản dị, câu văn giống lời nói thường ngày, gần đời sống hơn.

– Văn bản nghị luận trung đại mang đậm dấu ấn của thế giới quan con người trung đại : tư tưởng "thiên mệnh" (mệnh trời) trong bài *Chiếu dời đô*, đạo "thần chủ" trong bài *Hịch tướng sĩ*, tư tưởng "nhân nghĩa" mượn từ Nho giáo trong *Nước Đại Việt ta*, tâm lí sùng cổ (noi theo tiền nhân, tìm khuôn mẫu ở thời đã qua) dẫn đến việc dùng điển tích, điển cố một cách phổ biến...

2. Ba văn bản *Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta* thuộc ba thể khác nhau của nghị luận trung đại (*chiếu, hịch, cáo*). Ba tác phẩm này ra đời trong ba hoàn cảnh khác nhau và được viết với mục đích cụ thể khác nhau, nhưng tất cả chúng đều là những áng văn chính luận mang ý nghĩa lịch sử đặc biệt, gắn liền với những sự kiện trọng đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

– Ba tác phẩm nghị luận này vừa là những áng văn chương bất hủ, vừa là những văn kiện lịch sử quan trọng gắn liền với các tên tuổi chói lọi trong lịch sử dân tộc. Chúng không chỉ mang tư tưởng, tình cảm của các cá nhân kiệt xuất mà còn kết tinh tinh thần, ý chí của cả dân tộc trong những thời điểm lịch sử trọng đại.

– Cả ba văn bản *Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta* đều thể hiện một cách hùng hồn, thiết tha lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần dân tộc sâu sắc.

– Tất nhiên, nét chung này thể hiện ở từng tác phẩm có những nội dung cụ thể riêng biệt. Chẳng hạn, ở *Chiếu dời đô*, nổi bật là ý chí tự cường của dân tộc

Đại Việt đang lớn mạnh, mong muốn non sông muôn thuở phát triển, vững bền. Nổi bật ở *Hịch tướng sĩ* là lòng căm thù sục sôi lũ giặc ngang ngược, bạo tàn, là tinh thần quyết chiến quyết thắng của dân tộc. Nổi bật ở *Nước Đại Việt ta* lại là ý thức sâu sắc, đầy tự hào về dân tộc, là sự khẳng định danh thếp về quyền độc lập tự chủ, về truyền thống văn hiến và anh hùng của đất nước.

3. Muốn trả lời câu hỏi này, trước tiên cần xác định rõ hoàn cảnh ra đời cụ thể và ý đồ sáng tác của từng văn bản *Sông núi nước Nam* và *Nước Đại Việt ta*.

– Bài *Sông núi nước Nam* được xem là bản tuyên ngôn độc lập thứ nhất của đất nước ta ở thế kỉ XI. Áng "thiên cổ hùng văn" *Binh Ngô đại cáo* (văn bản *Nước Đại Việt ta* là đoạn mở đầu bài cáo) cũng là bản tuyên ngôn độc lập hùng hồn của dân tộc ta sau khi đánh đổ ách đô hộ của nhà Minh ở thế kỉ XV. Ý thức về nền độc lập dân tộc là điểm chung của hai văn bản này, nhưng đến *Nước Đại Việt ta*, ý thức ấy đã phát triển cao, sâu sắc và toàn diện hơn nhiều so với *Sông núi nước Nam*.

– Trong bài thơ *Sông núi nước Nam*, ý thức về nền độc lập dân tộc được khẳng định ở hai phương diện : lãnh thổ và chủ quyền. Ngoài hai phương diện đó, đến *Nước Đại Việt ta*, ý thức này được mở rộng, bổ sung bằng các yếu tố mới đầy ý nghĩa : nền văn hiến lâu đời, phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử anh hùng. Nếu sự khẳng định nền độc lập dân tộc ở *Sông núi nước Nam* còn mang tư tưởng thiên mệnh (*định phận ở sách trời*) thì đến *Nước Đại Việt ta*, nền độc lập dân tộc đã được khẳng định hiển nhiên từ thực tế lịch sử với bao triều đại đã tồn tại, phát triển vững bền, cùng những tấm gương anh hùng hào kiệt "đời nào cũng có". Rõ ràng, ý thức về dân tộc của Nguyễn Trãi trong *Nước Đại Việt ta* ở thế kỉ XV đã phát triển sâu sắc, toàn diện hơn nhiều so với ý thức dân tộc trong *Sông núi nước Nam* ở thế kỉ XI.

4. Bài tập này yêu cầu phân tích, chứng minh một đặc sắc nổi bật của nội dung và bút pháp nghệ thuật trong văn bản *Thuế máu* : cảm hứng trào phúng không tách rời cảm hứng trữ tình. Em có thể suy nghĩ theo các ý :

– Cảm hứng trào phúng được thể hiện như thế nào ở chương *Thuế máu* ? (Đối tượng trào phúng ở đây là ai ? Cảm hứng trào phúng thấm nhuần ở các cấp độ nội dung và nghệ thuật của tác phẩm ra sao ?)

Ở chương *Thuế máu*, qua tiếng cười trào phúng, tình cảm, tấm lòng của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện như thế nào ?

– Hai cảm hứng này không tách rời nhau trong chương *Thuế máu*: Đằng sau tiếng cười châm biếm, trào phúng là tấm lòng xót xa, căm giận. Qua các hình ảnh, giọng văn châm biếm, trào phúng, người đọc nhận ra tình cảm căm ghét, yêu thương sâu sắc, mãnh liệt của tác giả. Tình cảm của tác giả được dồn nén trong các hình ảnh, giọng điệu trào phúng.

– Cần chứng minh sự không tách rời này theo từng phương diện cụ thể như cách xây dựng hình ảnh, giọng điệu,... trong văn bản. Đặc biệt, cần dẫn chứng được những câu văn mỉa mai, châm biếm cay độc nhưng kín đáo toát lên nỗi căm giận, đau xót của tác giả.